

## ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐANG ĐẶT RA Ở NÔNG THÔN

HỮU THỌ

Nghị quyết Bộ Chính về đổi mới quản lý nông nghiệp ra đời tháng 4 - 1988. Nghị quyết 10 ngay từ dự thảo đầu tiên cũng đã quán triệt tinh thần đổi mới do đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra, cho nên cũng đã đề cập toàn diện và đồng bộ việc đổi mới quản lý nông nghiệp, trong đó “cơ chế khoán” chỉ là một bộ phận. Các địa phương đều hiểu như vậy. Nhưng trong thực tiễn, ít nhất đã có sáu tỉnh tách riêng vấn đề đổi mới cơ chế khoán ra thực hiện ngay, để cho kịp bắt tay vào vụ sản xuất đông xuân hoặc vụ mùa 1988; các vấn đề khác trong nghị quyết sẽ vận dụng, thực hiện sau. Điều đó cũng trùng hợp với tình hình cải tổ, đổi mới của nhiều nước, khi xem xét trong thực tế thấy vấn đề khoán luôn luôn là một vấn đề sôi nổi, vận dụng với hình thức rộng hẹp khác nhau và thường đi trước một bước.

Tại sao lại có hiện tượng đó và hiện tượng đó đang phát triển như thế nào?

1. Cơ chế khoán trong nghị quyết 10 có ba điểm khác với khoán theo chỉ thị 100 đầu năm 1981: đơn vị hộ được xác nhận là đối tượng quan trọng đầu tiên trong giao khoán; thời gian giao khoán dài hơn, từ 10-15 năm; và thực hiện việc hợp tác một cách sòng phẳng, quy tất cả về hiện vật tương ứng, ai đảm nhiệm khâu gì được hưởng khâu đó, làm cho mỗi hộ nắm chắc việc phân phối ngay từ đầu vụ. Nghĩa là từng gia đình phải hạch toán, có quyền chủ động hơn đối với ruộng đất, đưa hạch toán vào từng tế bào của xã hội. So với những điểm khác được quyết định trong nghị quyết thì đây là điểm *có quan hệ trực tiếp và dễ thấy với từng gia đình người lao động*. Có thể đây là điểm nhạy bén nhất, dễ rung động nhất đối với tâm lý người lao động vì nó động tới sở hữu về ruộng đất (quyền sử dụng ruộng đất dài hơn) và động tới lợi ích cụ thể, trực tiếp của họ, khơi động tính năng động của hàng triệu gia đình.

2. Thật sự thì “khoán 10” (mà nông dân đang quen dùng) là “cơ chế cho phép” của các đơn vị kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa theo tinh thần nghị quyết 10. Nhưng như trên đã phân tích, bên cạnh cái cụ thể của một hình thức quản lý, lại có khái quát của hình thức đó (tức là tư tưởng chính sách mà hình thức quản lý đó chứa đựng), cho nên trong thực tiễn nó đã vượt quá bản thân nó, và đang được vận dụng trong các cơ sở quốc doanh nông - lâm - ngư nghiệp, coi đó là bộ phận của sự đổi mới trong các cơ sở quốc doanh. Ở những nơi đã nghiên cứu, nhiều cơ sở quốc doanh đã khoán vườn cây, đàn gia súc đến gia đình công nhân, phân rõ các khâu hợp tác và sòng phẳng trong thanh toán; nơi nào làm như thế thì hiệu quả đều cao hơn cách cũ. Tất nhiên, công việc quản lý có phức tạp hơn, được vận dụng cụ thể đối với cây dài ngày, cây ngắn ngày, vườn cây lâu năm đang thời kỳ xây dựng và vườn cây đã đến thời kỳ khai thác... nhưng “tư tưởng” của khoán mới vẫn là một.

3. Một điều lý thú là lô-gích của văn kiện đi từ trên xuống - tạm gọi là đi từ vĩ mô xuống vi mô, như đặt vấn đề đổi mới kế hoạch hóa, các mối quan hệ cung ứng và tiêu thụ, vấn đề tổ chức quản lý các đơn vị kinh tế tập thể... nhưng lô-gích của hành động xem ra có vẻ đảo ngược. Khoán mới là một điểm cụ thể của cơ chế kế hoạch hóa đổi mới. Khoán mới đặt ra vấn đề dịch vụ cung ứng và tiêu thụ khác hẳn trước. Và khoán mới, khi giao tư liệu sản xuất chủ yếu đến từng hộ, thì đặt ra vấn đề bộ máy tổ chức quản lý phải đơn giản với chức năng chủ yếu là hoạt động dịch vụ. Đó là lô-gích cuộc sống, khi thực hiện khoán mới: gỡ ra “bên dưới” thì thế tất cái “bên trên” phải thay đổi nhanh vì nếu không sẽ khập khiễng. Thử đặt ngược lại: nếu không làm ngay khoán mới thì làm sao có thể “bàn luận”, “đấu tranh” để giảm bộ phận “cán bộ xách túi” tới 40% tức giảm bộ máy gián tiếp tới 20 vạn người trong cả nước! Người ta hay nói đến khâu chủ yếu tức là khâu mà tác động vào đó sẽ rung động cả một hệ thống, cho nên, cũng có thể nói như thế đối với việc thực hiện trước hết khoán mới, coi đó là khâu đột phá đối với việc thực hiện toàn diện nghị quyết 10.

4. Trong quá trình thực hiện “khoán 10”, sự vận dụng của các địa phương khá sáng tạo. Chẳng hạn, cách chia nhiều vòng ruộng đất trong giao khoán, thực hiện “khoán đầu thầu” với nhiều hình thức, tổ chức hoạt động dịch vụ nhiều thành phần... Có loại việc nghị quyết chưa nói tới, có loại đã đề cập nhưng còn dè dặt, đã được thực hiện, và thực hiện khá rộng rãi với nhiều cách làm, không rập khuôn.

Bấm đốt ngón tay thử tính, có sáng kiến chỉ mới nảy sinh sau nửa tháng có nghị quyết có sáng kiến được công nhận trong vòng một tháng. Đó là thời gian kỷ lục cho một sáng kiến từ lúc phát sinh tới khi được áp dụng trong thực tiễn một địa phương. Lại thêm một điều rất đáng mừng. Điều đó chỉ có thể có được một khi tư tưởng khai thác mọi năng lực sản xuất, phát huy quyền chủ động của cơ sở, thực hiện hạch toán kinh doanh, phát triển sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa của nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng được bước đầu thực hiện trong cuộc sống, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được mở rộng. Điều mà trong dân gian gọi là “khoán 10 ra gặp thời”, các nhà kinh tế gọi là “khoán 10 gặp được môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi, tức là môi trường sản xuất kinh doanh của xã hội”.

Chúng tôi không đề cập tác động nhiều mặt của “khoán 10” vì đã có nhiều tài liệu xác định. Chỉ khẳng định “khoán 10” còn rất nhiều tiềm năng, và nhiều nơi mới thực hiện với cây lúa. “Khoán 10” đặt ra một khả năng củng cố và tăng cường các đơn vị kinh tế xã hội chủ nghĩa (cả quốc doanh và tập thể) nhưng với quan niệm mới về các đơn vị kinh tế này. “Khoán 10” cũng đặt ra những vấn đề mới về mặt chính sách xã hội ở nông thôn phải được nhìn nhận và giải quyết một cách khác với cách làm trước đây... Nghĩa là “khoán 10” còn nhiều tiềm năng và nhiều vấn đề cần giải quyết. Đặc biệt là thực hiện “khoán 10” phải gắn với toàn diện nghị quyết 10. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị có nội dung đổi mới toàn diện, đồng bộ cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp và việc thực hiện nó, cải tiến nó còn là công việc lâu dài, có tác động rất quan trọng. Kinh nghiệm thực tiễn nhiều năm chỉ ra rằng: chỉ nhấn “đồng bộ” mà không chọn điểm đột phá thì cũng dễ dẫn tới “đồng bộ trên lý thuyết”. Mặt khác, một điểm quan trọng cho dù quan trọng ở mức độ “đột phá” cũng không thể thay thế cho toàn thể, cho nên cần được quán triệt và thực hiện đồng bộ.

\*

\* \*

Nghị quyết 10 có rất nhiều điểm mới toát lên tinh thần coi nông nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu, khai thác mọi năng lực sản xuất; phát triển nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu nghị quyết và nghiên cứu thực tiễn mà nghị quyết 10 đang vận động; thử suy nghĩ về một số vấn đề đang đặt ra:

1. Vấn đề đầu tư luôn luôn được đặt lên hàng đầu trong chính sách kinh tế, biểu thị thái độ của một nhà nước đối với sự phát triển của mỗi ngành trong cơ cấu kinh tế hướng tới. Hai năm qua, cùng với sự đình hoãn một số công trình, chuyển đổi bước đầu cơ cấu đầu tư, cho nên đầu tư cho nông nghiệp có tăng lên. Nhìn lại số liệu thấy đầu tư trực tiếp cho nông nghiệp đã tăng lên, nhưng mới chiếm khoảng 20% tổng số vốn đầu tư, nếu kể cả của địa phương mới khoảng 30 - 40%; cho nên chưa thể gọi là chuyển đổi lớn về cơ cấu đầu tư. Nếu theo quan điểm đầu tư ngang giá - như nhiều nhà kinh tế thường nêu lên, nghĩa là số đầu tư cho từng ngành ít nhất phải tương ứng với tỷ lệ giá trị sản phẩm của ngành đó trong tổng sản phẩm xã hội, cộng thêm một tỷ lệ ưu tiên, thì con số tăng đó chưa biểu hiện được đường lối coi nông nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu, khi giá trị sản phẩm nông nghiệp, theo sự đánh giá của nhiều người đang chiếm khoảng 60% giá trị sản phẩm xã hội.

Nhưng số liệu nêu ở trên chưa đủ căn cứ để phân tích; vì mới chỉ tính được khoản đầu tư qua ngân sách trung ương hoặc địa phương, chưa tính được các khoản tự bỏ vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, các cơ sở sản xuất mà số này đang rất lớn.

Mặt khác, điều quan trọng nhất không chỉ là tổng số vốn đầu tư, mà là *hiệu quả đầu tư*. Hiệu quả đầu tư là chỉ số chiều sâu của đầu tư được xét trên hai mặt: một mặt xem xét trong tất cả các công trình, các thành phần kinh tế cần xây dựng và phát triển thì bỏ vốn vào công trình nào, thành phần nào là có lợi nhất và đem lại hiệu quả nhanh nhất trong việc làm chuyển đổi cơ cấu sản xuất; mặt khác, xem xét hiệu quả đầu tư thật sự của từng công trình. Chỉ tính toán sơ qua thôi, cũng đã thấy cả hai mặt đó đều còn rất nhiều vấn đề. Vốn đầu tư qua ngân sách vẫn chủ yếu cho quốc doanh. Đầu tư cho thủy lợi hai năm qua, khi phản ánh trên số liệu thấy chưa tương xứng.

Có công trình tồn đọng từ kế hoạch cũ gởi sang nhưng cũng có công trình mới bắt đầu trong hai năm qua. Như vậy, ngay những công trình mới đưa vào sản xuất, hiệu quả kinh tế đích thực mới chiếm khoảng 50 - 55%, tiếp tục đạt hiệu quả thấp trong đầu tư. Cần rà soát kỹ càng, chuyển đổi cơ cấu đầu tư, nếu không lại mắc sai lầm một lần nữa.

2. Nghị quyết 10, có lẽ là nghị quyết sớm nhất cụ thể hóa việc mở rộng các thành phần kinh tế cùng sản xuất kinh doanh trong nông - lâm - ngư nghiệp.

Khác với công nghiệp, sản phẩm xã hội của nông nghiệp chủ yếu nằm trong khu vực ngoài quốc doanh, tính chung chiếm 80% có sản phẩm tới hơn 90%. “Kinh tế hợp tác” (bao gồm hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và các hình thức hợp tác khác), có vai trò rất quan trọng; sản phẩm chủ yếu nhất của xã hội là lúa gạo tới hơn 80% nằm trong khu vực này, song từ trước tới nay, khu vực này vẫn ít được đầu tư, hình thức không phong phú và cách quản lý ở đây chưa thật sự tôn trọng tính tập thể của nó, mà vẫn quản lý như một “quốc doanh em” kiểu tập trung quan liêu bao cấp.

Nghị quyết 10 đối với “khu vực kinh tế hợp tác” toát lên tinh thần tôn trọng tính tự quản. Trong thực tế, quyền này cho đến nay mới được cụ thể hóa và trong thực tiễn chưa được thực hiện phổ biến. Chính vì vậy, chúng ta thấy rõ sự chuyển

đổi cơ cấu sản xuất mạnh mẽ trong thời gian qua chưa nằm trong khu vực kinh tế này. Trong trồng trọt “kinh tế hợp tác” chủ yếu làm lương thực và một ít cây công nghiệp ngắn ngày; việc kinh doanh tổng hợp còn mở ra chậm. Nếu thực hiện tốt hơn quyền “tự quản” được quy định của “kinh tế hợp tác”, nghĩa là thực hiện bốn thứ “tự”: dựa trên quy hoạch, được quyền tự lựa chọn phương hướng sản xuất gắn chuyên canh với kinh doanh tổng hợp, được quyền tự lựa chọn quy mô tổ chức, tự lựa chọn hình thức quản lý, được quyền tự lựa chọn nơi tiêu thụ sản phẩm sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ đóng góp và hợp đồng... thì “kinh tế hợp tác” sẽ còn phát triển mạnh, tác động mạnh đến cơ sở sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp hơn nữa.

Kinh tế quốc doanh trong nông nghiệp có tiềm lực lớn nhưng rõ ràng hiệu quả thấp. Chỉ lấy một số số liệu để phân tích. Các nông trường quốc doanh chiếm khoảng hơn 11% diện tích đất canh tác, 30% số máy kéo, nhưng chỉ đem lại chưa đến 10% giá trị sản lượng nông nghiệp. Các lâm trường quốc doanh chiếm khoảng 34% diện tích đất rừng và có rừng, trong đó rừng có trữ lượng gỗ khá chủ yếu nằm ở đây, nhưng độ tàn che tiếp tục giảm, rừng nghèo kiệt ngày càng tăng... Nếu tính đúng, tính đủ thì nhiều cơ sở quốc doanh “lỗ thật”, trong khi đó một gia đình, chỉ có hơn hai sào ruộng, với công cụ thô sơ đã đủ sức nuôi cả nhà, còn đóng góp khoảng 10% sản lượng. Có thể nói: hiệu quả đầu tư cho nông nghiệp chưa cao trước hết vì đầu tư cho quốc doanh đạt hiệu quả thấp. Chính vì vậy mà phải chăng đây lại là một khu vực trọng điểm cần tháo gỡ, và còn nhiều tiềm năng. Nghị quyết 10 đã xác định cụ thể quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cao hơn cho các đơn vị quốc doanh nông - lâm - ngư nghiệp, chỉ giữ lại một hoặc hai chỉ tiêu pháp lệnh trong kế hoạch. Đồng thời cũng có thái độ dứt khoát hơn đối với những đơn vị làm ăn thua lỗ kéo dài. Một số đơn vị chia lại quy mô cho phù hợp, thực hiện khoán sản phẩm và ổn định đất giao khoán cho từng gia đình, tổ chức khoán đầu thầu một số diện tích, một số công việc, thực hiện liên kết, liên doanh và các thành phần kinh tế khác trong vùng, gắn chuyên doanh với kinh doanh tổng hợp, gắn sản xuất với chế biến và dịch vụ, thoát ra khỏi “lồng kính bao cấp” mà xông vào môi trường cạnh tranh... cho nên đã thoát ra khỏi khó khăn, làm ăn có hiệu quả, phát huy vai trò chỉ đạo trong từng vùng. Song, còn nhiều đơn vị chập chờn, lúng túng. Nhiều cơ sở quốc doanh dịch vụ còn đang tìm cách hoạt động trong tình hình mới, khi sản xuất kinh doanh tỏa xuống từng gia đình. Rõ ràng, công tác quản lý các cơ sở quốc doanh có chuyển biến nhưng chậm, và nói chung hiệu quả chưa tương xứng. Năm 1989 là giới hạn thử thách cuối cùng cho phần lớn các cơ sở quốc doanh; nếu còn tiếp tục làm ăn thua lỗ thì theo tinh thần nghị quyết 10, sẽ thực hiện việc chuyển sở hữu. Đó là công việc cần làm kiên quyết, vì hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, và vì vai trò chủ đạo của nó trong nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế gia đình là bộ phận có khởi sắc rõ nhất trong các thành phần kinh tế nông nghiệp. Trồng mới một héc-ta cà phê của kinh tế gia đình chỉ phải đầu tư qua tín dụng một khoản bằng một phần mười so với đầu tư làm ở một cơ sở quốc doanh hợp tác với một nước bạn, mà năng suất thu hoạch không thua kém. Nhìn chung với chính sách cởi mở, *phần lớn vốn trong các gia đình nông dân chuyển dần từ tiêu dùng sang tăng cường lực lượng sản xuất*; ở một số nơi thuộc tỉnh Đồng Nai đã tính rằng: khoảng 80% số vốn chi tiêu của nông dân hiện nay là nhằm mở rộng sản xuất. Đó là một hiện tượng rất đáng mừng. Những ngành mà cho đến nay, các gia đình nông dân tập trung đầu tư là nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, trồng cà phê, hồ tiêu, đào lợn hột, trồng cây

ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn; một số nơi đã trồng chè, trồng rừng... *Gia đình nông dân đã bắt đầu đầu tư vào trồng cây dài ngày, cây rừng* bên cạnh ý nghĩa kinh tế, còn biểu hiện một tâm lý đã có phần tin tưởng hơn ở chính sách đổi mới.

Thời gian chưa phải là dài, và trong thực tiễn mới thấy hiệu quả rõ nhất ở hai điểm: mở rộng khoán mới, thực hiện khoán đầu thầu trong nhiều hợp tác xã, một số cơ sở quốc doanh và phát triển kinh tế gia đình. Các mặt khác mới thực hiện lẻ tẻ. Nghĩa là, giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh đồng thời phát huy các thành phần kinh tế khác có định hướng còn là một tiềm năng to lớn để phát triển nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa.

3. Trong sự đổi mới lần này, để phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp không thể tự tiến lên một mình. Cho nên, phải gắn nông nghiệp với công nghiệp, coi khoa học kỹ thuật là một động lực to lớn, và có vấn đề đổi mới chính sách trao đổi vật tư và thực hiện tự do lưu thông với tinh thần sử dụng nhiều cách trao đổi vật tư với người sản xuất và quyền tự do lưu thông những sản phẩm làm ra ngoài số sản phẩm làm nghĩa vụ và thực hiện hợp đồng.

Nói đến phát triển sản xuất hàng hóa không thể tách rời việc phân công lao động theo hướng “ai giỏi nghề gì làm nghề đó” và hiện đại hóa ngành nông nghiệp. Song việc này chưa làm được nhiều. Công nghiệp chưa đáp ứng những đòi hỏi của nông nghiệp. Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nông thôn chưa có phương hướng rõ ràng và gặp nhiều khó khăn.

Công tác cung ứng vật tư đã bước đầu đổi mới, bớt một phần tầng nấc trung gian, số vật tư tự tìm kiếm để cân đối với kế hoạch sản xuất khá hơn. Song, một vấn đề đang đặt ra, khi kinh tế có nhiều thành phần thì việc cung ứng vật tư cần có cách gì để đáp ứng tình hình sản xuất đang đa dạng. Mở rộng các hình thức thương mại hóa vật tư với tỷ giá phù hợp và chuyên hoạt động cung ứng vật tư sang kinh doanh đang là một đòi hỏi của các cơ sở. Đồng thời, trong tình hình thực tế ở nhiều địa phương, cũng cần có chính sách ứng trước vật tư đối với một số gia đình thiếu vốn ban đầu chiếm khoảng 5 - 10% số hộ, để có thể giúp họ thực hiện mức khoán. Những kết luận về ba hình thức trao đổi vật tư nêu lên có phần bao quát hơn, linh hoạt hơn, không nên tuyệt đối hóa một hình thức nào.

Một hiện tượng cần rất quan tâm là trong lúc sản phẩm hàng hóa trong xã hội tính theo đầu người còn thấp (khoảng gần 300 kg lương thực, 6 kg đường mật các loại hơn 10 kg cá, 11 kg thịt hơi các loại, 3kg lạc... một đầu người một năm), nhưng đã bắt đầu có tình trạng sản phẩm ứ đọng. Lương thực vào giữa năm 1989 đã ứ đọng khá lớn. Một số tỉnh đang ứ đọng thịt lợn, ứ đọng nước mắm. Đường ở một số nơi khó tiêu thụ. Đay trong khi còn nhiều nhà máy thiếu nguyên liệu... Đây là một hiện tượng mới xuất hiện nhưng rất đáng quan tâm, vì sản xuất hàng hóa là để bán, do đó tiêu thụ khó khăn thì sẽ quay trở lại hạn chế phát triển sản xuất hàng hóa. Trong vấn đề này có rất nhiều nguyên nhân, mỗi mặt hàng có nguyên nhân riêng. Có nguyên nhân khi đi vào hạch toán kinh doanh, có ngành thấy lưu thông một mặt hàng nào đó không có lãi nhiều thì không “săm sắn” tổ chức lưu thông. Cũng nên tính đến việc vận chuyển hàng thiết yếu lên miền núi khi cước vận tải tăng làm cho một số ngành ngại đưa hàng tới nơi xa xôi, hẻo lánh... Tất cả những thứ đó phải được giải quyết trên tầm vĩ mô để tạo luồng lưu thông thông suốt.



Khi đi vào sản xuất hàng hóa thì nơi tiêu thụ và giá cả sản phẩm, tức là “đầu ra” có vai trò quyết định sản xuất phát triển. Mới được mùa ba vụ, mà giữa năm 1988 có vùng đói kém, đến giữa năm 1989 đã ứ đọng lương thực. Vào tháng 6 - 1989, giá cả thị trường lương thực ở các vùng đều thấp hơn giá thành sản xuất khoảng 50 đồng một kilôgam, đặt ra mối lo mới. Khơi luồng tiêu thụ kể cả xuất nhập khẩu lương thực là vấn đề cấp bách, thiết thực được đặt ra. Đồng thời, chính sách bảo hộ sản xuất trong nước cũng phải đặt ra.

4. Cơ cấu dân cư nông thôn từ ngày giải phóng đến nay vẫn giữ tỷ trọng 80% dân số. Tuy nhiên số tuyệt đối vẫn tăng, người ta cho rằng: mỗi năm, lao động ở nông thôn vẫn tăng thêm 400 nghìn. Đất đai bị chật hẹp, ngay nơi được tiếng là “thẳng cánh cò bay” như đồng bằng sông Cửu Long cũng chỉ gấp đôi đồng bằng Bắc Bộ. Con đường là thâm canh, điều động dân cư tới một số vùng, nhưng quan trọng là mở mang công nghiệp nông thôn một cách có qui hoạch. Mở mang công nghiệp là điều kiện để tập trung hóa một sức sản xuất nông nghiệp, thực hiện “điền trang gia đình”.

5. Nghị quyết 10 đặt vấn đề gắn liền sản xuất nông nghiệp với phát triển nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Phát triển một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, đi vào hạch toán kinh doanh, chắc chắn sẽ sinh ra những vấn đề xã hội phải giải quyết:

- Thế nào cũng phát sinh giàu nghèo; trong khi đó ta khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng nhưng không quên người nghèo.

- Thế nào cũng xảy ra việc phát triển không đồng đều. Vùng ven lộ, tiện vận tải, vùng gần nơi có sức tiêu thụ lớn sẽ phát triển nhanh hơn, trong khi đó chúng ta lại cần có chính sách giúp đỡ các vùng khác trong đất nước cùng tiến lên, nhất là vùng núi.

- Thế nào cũng có cạnh tranh, phá sản và lừa lọc trong kinh doanh; nhưng ta lại không để những người thất nghiệp ngày càng tăng và cần hướng dẫn, đấu tranh cho việc trao đổi trung thực, thương mại văn minh.

- Thế nào cũng có việc chạy theo những cây trồng, con vật nuôi đem lại nhiều lãi; nếu không kịp thời có chính sách phù hợp sẽ gây ra mất cân đối về mặt giá trị sử dụng, sự phát triển không theo định hướng.

- Một số công việc xã hội trước đây chủ yếu sống bằng nguồn bao cấp của hợp tác xã, và các cơ sở quốc doanh, bây giờ có thể sẽ sa sút khi chưa kịp thời có chính sách mới.

- Khi đi vào sản xuất hàng hóa, hạch toán kinh doanh, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng thì vai trò lợi nhuận, vai trò đồng tiền nổi lên... “tiền là tiên là phật...”. Công bằng xã hội phải được nhìn nhận theo quan điểm mới. Nhưng nếu không biết cách điều chỉnh sẽ phát triển chủ nghĩa cá nhân, lòng ích kỷ.

Như vậy, chưa thể nghĩ đến một “xã hội thuần khiết” khi kinh tế còn chậm phát triển, còn nhiều thành phần. Trong tình hình mới, *vừa chấp nhận, lại vừa có gắng hạn chế những mặt tiêu cực* của nó về mặt xã hội. Cố chấp, gò bó cũng như buông lỏng đều không được.

Trong khi coi trọng việc khuyến khích vật chất thì làm sao vẫn giữ được mối quan hệ gắn bó tình nghĩa xóm làng, tình làng nghĩa nước, không bình quân mà cũng không cực bộ. Đó là sự tinh vi của các chính sách cụ thể cần được tính đến trong quá trình thực hiện nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp.

\*

\*      \*

Với tính đồng bộ của nó, nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về cải tiến quản lý nông nghiệp, có hai phần: Phần nội bộ từng thành phần kinh tế, từng đơn vị kinh tế cơ sở trong nông nghiệp và phần “bên ngoài” nông nghiệp, liên quan tới công nghiệp, giao thông vận tải, lưu thông phân phối, trong đó có vai trò đặc biệt lưu thông phân phối trong nền sản xuất hàng hóa... Chính vì thế nghị quyết 10 không phải của riêng ngành nông nghiệp, mà là trách nhiệm của các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội.

Nói “khoán 10” là khâu đột phá, không có nghĩa nghị quyết 10 chỉ là “khoán 10”. Nghị quyết 10 khác “chi thị 100” là ở chỗ này. Nghị quyết 10 có phần đổi mới “bên trong” từng cơ sở sản xuất, từng thành phần kinh tế của nông nghiệp, nhưng rõ ràng cần sự đổi mới “bên ngoài” nông nghiệp (hiểu theo nghĩa là các ngành khác, đặc biệt là ngành lưu thông phân phối), và “bên trên” hiểu theo nghĩa là đổi mới các tổ chức bên trên cơ sở và quản lý kinh tế nhà nước đối với nông nghiệp. Đồng bộ theo nghĩa rộng như vậy: đồng bộ trong từng đơn vị kinh tế và đồng bộ trong toàn bộ nền kinh tế. Đồng bộ giữa kinh tế và xã hội. Cho đến nay, rõ ràng chính sách xã hội chậm đổi mới để theo kịp những đổi mới về chính sách kinh tế. Không tiến hành đồng bộ thì sẽ hạn chế tiến lên của từng bộ phận, thậm chí còn phát sinh những mặt tiêu cực khác, nhất là về mặt xã hội.